

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671003-8 - Thí nghiệm Vật lý đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Xuân	Thiêm	3471010310	25/10/1992				Nợ HP
2	Võ	Thịnh	3471010330	01/01/1992		6,00	6,00	
3	Trịnh Quang	Tuân	3471010367	27/09/1992		6,00	6,00	
4	Nguyễn Thành	Duy	3571010001	10/09/1993		4,70	4,70	
5	Trần Tấn	Định	3571010189	30/10/1993		,00	,00	
6	Nguyễn Trí	Nam	3571010224	12/06/1993				Nợ HP
7	Nguyễn Đức	Thanh	3571010226	12/02/1991		5,30	5,30	
8	Ngô Tiến	Điệp	3571010228	26/03/1993		5,70	5,70	
9	Đỗ Hùng	Mạnh	3571010283	27/05/1992		,00	,00	
10	Nguyễn Đình	Hào	3571010327	13/09/1992				No HP
11	Phùng Văn	Đạt	3571010587	19/09/1993				Nợ HP
12	Nguyễn Văn	Chiến	3571010650	25/01/1991		5,00	5,00	
13	Lê Việt	Dũng	3571010654	17/07/1992		5,30	5,30	
14	Bùi Thanh	Văn	3571010660	15/01/1993		4,70	4,70	
15	Dư Thanh	Kha	3571010680	20/01/1993		4,70	4,70	
16	Lê Hồng	Cương	3571010779	29/03/1992		4,70	4,70	
17	Kiều Đình	Dũng	3571011347	09/10/1993				Nợ HP
18	Nguyễn Anh	Tài	3571011499	26/02/1991				Nợ HP
19	Nguyễn Văn	Biển	3571011507	15/09/1993				Nợ HP
20	Nguyễn Ngọc	Duy	3571011629	30/04/1993		,00	,00	
21	Phạm Minh	Tân	3571011759	05/10/1992				Nợ HP
22	Nguyễn Minh	Công	3571011771	24/09/1991				Nợ HP
23	Trần Văn Thiện	Bảo	3574010148	01/09/1993		7,00	7,00	
24	Đinh Thanh	Bình	3574010232	18/03/1993		7,30	7,30	
25	Đoàn Thanh	Trong	3574010291	13/08/1993		5,70	5,70	
26	Đặng Văn	Hiếu	3574010465	03/03/1993		7,00	7,00	
27	Lê Quốc	Bảo	3574010525	14/06/1993		8,30	8,30	
28	Trần Vũ	Linh	3574010963	20/10/1993		7,30	7,30	
29	Nguyễn Trung	Trực	3574011084	22/03/1993		6,00	6,00	
30	Dương Tùng	Lâm	3574011090	25/10/1992		6,00	6,00	
31	Võ	Hùng	3574011390	01/10/1993		6,30	6,30	
32	Phan Văn	Tài	3574011633	05/07/1993		6,30	6,30	
33	Nguyễn Khắc	Tâm	3574011697	09/12/1992		6,70	6,70	
34	Nguyễn Hồng	Đức	3574011795	11/05/1993				Nợ HP
35	Nguyễn Duy	Khanh	3575010011	22/07/1992		,00	,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Cao Văn	Phát	3575010034	22/11/1993				Nợ HP
37	Phạm	Tiến	3575010052	10/08/1993				Nợ HP
38	Lê Công	Viên	3575010099	06/01/1993		1,00	1,00	
39	Phạm Văn	Tâm	3575010103	10/07/1993		1,00	1,00	
40	Bùi Xuân	Hiệp	3575010206	02/10/1993				Nợ HP
41	Lương Đình	Tùng	3575010348	18/02/1992		5,70	5,70	
42	Thái Văn	Minh	3575010462	30/03/1993				Nợ HP
43	Đặng Công	Hà	3575010529	11/01/1992				Nợ HP
44	Nguyễn Tấn	Phong	3575010753	02/04/1993				Nợ HP
45	Thái Hoàng	Vũ	3575010846	08/06/1993		,00	,00	
46	Quang Ngọc	Kim	3575010856	24/11/1993				Nợ HP
47	Phạm Tiến	Dũng	3575011405	25/06/1993				Nợ HP
48	Lê Thị Như	Hồng	3575031710	15/10/1993				Nợ HP
49	Trần Anh	Vũ	3671030046	01/02/1994		,00	,00	
50	Nguyễn Thành	Phúc	3671030152	16/07/1994				Nợ HP
51	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994		,00	,00	
52	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994		5,70	5,70	
53	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994				Nợ HP
54	Nguyễn Ngọc	Hoà	3671030525	28/01/1992		5,70	5,70	
55	Lê Nhật	Long	3671030543	18/10/1994		5,70	5,70	
56	Phạm Văn	Bình	3671030591	23/02/1994		5,70	5,70	
57	Huỳnh Thanh	Duy	3671030592	28/11/1993		5,70	5,70	
58	Nguyễn Quốc	Phong	3671030606	19/03/1993		,00	,00	
59	Nguyễn Hoàng Đình	Kha	3671030685	10/06/1994		5,30	5,30	
60	Nguyễn Minh	Quang	3671030729	23/06/1994		5,30	5,30	
61	Nguyễn Phạm Minh	Tiến	3671030799	23/04/1994		5,30	5,30	
62	Ngô Bảo	Toàn	3671030893	28/05/1991		5,30	5,30	
63	Võ Dũng	Tuấn	3671030970	07/08/1994				Nợ HP
64	Nguyễn Ngọc	Tuấn	3671031052	01/11/1994		,00	,00	
65	Huỳnh Tấn	Thi	3671031055	10/10/1994				Nợ HP
66	Tạ Anh	Phương	3671031497	22/05/1994				Nợ HP
67	Lê Hồng	Vũ	3671031499	26/01/1994		,00	,00	
68	Nguyễn Vương	Lộc	3671031544	03/06/1994		1,00	1,00	
69	Nguyễn Đăng	Hải	3671031549	12/03/1993		1,00	1,00	
70	Ngô Hồng	Kha	3671032053	13/11/1993		,00	,00	
71	Hán Tấn	Sinh	3671040012	08/10/1991		6,00	6,00	
72	Đình Công	Hậu	3671040020	18/11/1994		5,30	5,30	
73	Lê Văn	Lưu	3671040033	05/07/1994		6,00	6,00	
74	Ngô Văn	Hai	3671040180	24/01/1994		5,00	5,00	
75	Nguyễn Tấn	Tĩnh	3671040197	19/03/1994		6,00	6,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Lại Đình	Hoàng	3671040216	22/08/1994				Nợ HP
77	Nguyễn Quang	Trại	3671040280	10/06/1994		5,00	5,00	
78	Biện Hữu	Kha	3671040320	20/05/1994		5,00	5,00	
79	Nguyễn Văn	Điền	3671040428	25/03/1993		,00	,00	
80	Trần Đình	Hiếu	3671040501	15/07/1994				Nợ HP
81	Trần Kim	Hồ	3671040522	20/11/1993				Nợ HP
82	Nguyễn Nhật	Minh	3671040535	09/04/1994		6,00	6,00	
83	Lê Thanh	Duy	3671040637	19/10/1994		,00	,00	
84	Trần Tấn	Vũ	3671040647	18/08/1994		,00	,00	
85	Trần Hiếu	Nhân	3671040690	29/04/1994		6,00	6,00	
86	Huỳnh Tấn	An	3671041107	12/10/1993		,00	,00	
87	Nguyễn Thành	Trọng	3671041139	02/07/1994		6,30	6,30	
88	Nguyễn Khánh	Duy	3671041140	13/04/1994		,00	,00	
89	Nguyễn Hữu	Toàn	3671041192	04/08/1993				Nợ HP
90	Nguyễn Đức	Tuấn	3671041205	10/07/1993		6,00	6,00	
91	Trần Đức	Khánh	3671041460	10/05/1994		,00	,00	
92	Bá Anh Tuấn	Kiệt	3671041493	04/10/1991		,00	,00	
93	Nguyễn Khắc Phương	Quang	3671041535	10/09/1994				Nợ HP
94	Hoàng Đình	Linh	3671041579	30/08/1994		,00	,00	
95	Lương Anh	Tiến	3671041621	02/04/1994		,00	,00	
96	Nguyễn Hoàng	Tú	3671041635	12/02/1994		,00	,00	
97	Trần Chí	Thiện	3671041829	04/05/1994		,00	,00	
98	Nguyễn Văn	Sang	3671041930	06/06/1992		,00	,00	
99	Trần Quốc	Bảo	3671041967	14/08/1994		,00	,00	
100	Võ Thành	Uyên	3671041985	10/04/1994				Nợ HP
101	Xanh Phôi	Linh	3671042045	10/11/1993				Nợ HP
102	Trần Duy	Tân	3672051150	14/01/1994				Nợ HP
103	Huỳnh Nguyễn Trọng	Toàn	3672051303	21/01/1994		6,30	6,30	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)